

DÂY CÁP ĐIỆN



100% Đồng Nguyên Chất



DAPHACO®



Cable

BẢNG GIÁ

(Áp dụng từ ngày 25/05/2021)

CÁC SẢN PHẨM TIÊU CHUẨN DÂN DỤNG

* DÂY CÁP ĐỒNG	Trang 01 - 03
* DÂY CÁP HÀN	Trang 04
* DÂY CÁP NHÔM	Trang 05 - 07

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số : 39-10
(DAPHACO 02-2018)

Chứng nhận sản phẩm : DÂY CÁP ĐIỆN

(Chi tiết các loại trong danh mục sản phẩm kèm theo giấy chứng nhận)

Nhãn hiệu : DAPHACO

Loại : Xem chi tiết trong danh mục sản phẩm kèm theo giấy chứng nhận.

Tiêu chuẩn công bố áp dụng : Xem chi tiết trong danh mục sản phẩm kèm theo giấy chứng nhận

Được sản xuất bởi :

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN DAPHACO

Địa chỉ VP: 15/15 Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. HCM

Địa chỉ SX: Lô LE7-LE8, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Mỹ Hạnh Bắc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia :

QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN
VÀ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)

Phương thức chứng nhận :

Phương thức 5

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận có giá trị từ ngày 10/10/2018 đến ngày 09/10/2021



Ngày cấp chứng nhận: 10/10/2018

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Văn Sùng

DÂY CÁP ĐIỆN DAPHACO - ĐỒNG

(DÂY CÁP ĐIỆN TIÊU CHUẨN DÂN DỤNG)

(Áp dụng từ ngày 25/05/2021)

Stt	Mã Sản Phẩm	Cấp Điện Áp	Tiêu Chuẩn Áp Dụng	Đvt	Đơn Giá (VNĐ)
1. CÁP ĐIỆN LỰC 1 LỖI, RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN PVC (Cu/PVC)					
1	CAP 1.0	0.6/1kV	AS/NZS 5000.1	Mét	3,840
2	CAP 1.5	0.6/1kV	AS/NZS 5000.1	Mét	4,650
3	CAP 2.0	0.6/1kV	AS/NZS 5000.1	Mét	6,750
4	CAP 2.5	600V	JIS C3307	Mét	8,600
5	CAP 3.0	0.6/1kV	AS/NZS 5000.1	Mét	10,490
6	CAP 4.0	600V	JIS C3307	Mét	13,800
7	CAP 6.0	0.6/1kV	AS/NZS 5000.1	Mét	17,880
2. CÁP DUPLEX, RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN PVC (Cu/PVC)					
1	DUPLEX 8.0	600V	JIS C3307	Mét	46,330
2	DUPLEX 11	600V	JIS C3307	Mét	64,340
3	DUPLEX 14	0.6/1kV	AS/NZS 5000.1	Mét	81,400
4	DUPLEX 16	600V	JIS C3307	Mét	108,200
3. DÂY ĐƠN CỨNG, RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN PVC (Cu/PVC)					
1	ĐƠN 12/10	0.6/1kV	AS/NZS 5000.1	Mét	3,070
2	ĐƠN 16/10	0.6/1kV	AS/NZS 5000.1	Mét	5,620
3	ĐƠN 20/10	0.6/1kV	AS/NZS 5000.1	Mét	8,710
4	ĐƠN 30/10	0.6/1kV	AS/NZS 5000.1	Mét	20,150



Stt	Mã Sản Phẩm	Cấp Điện Áp	Tiêu Chuẩn Áp Dụng	Đvt	Đơn Giá (VNĐ)
4. DÂY ĐÔI MỀM (DÂY SÚP), RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN PVC (Cu/PVC)					
1	ĐÔI 2X16T	300V	UL 62	Mét	3,800
2	ĐÔI 2X24T	300V	JIS C3306	Mét	5,240
3	ĐÔI 2X32T	300V	JIS C3306	Mét	7,270
4	ĐÔI 2X30T	300V	JIS C3306	Mét	10,610
5	ĐÔI 2X50T	300V	JIS C3306	Mét	16,810
5. DÂY ĐÔI MỀM OVAL DẸP, RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ BẢO VỆ PVC (Cu/PVC/PVC)					
1	DEP 1.5	300V	UL 62	Mét	8,520
2	DEP 2.5	300V	UL 62	Mét	13,160
3	DEP 4.0	300V	JIS C3306	Mét	19,280
4	DEP 6.0	300/500V	TCVN 6610	Mét	32,680
6. DÂY CÁP PHA MỀM 2 LỖI, RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ BẢO VỆ PVC (Cu/PVC/PVC)					
1	Fa 2X1.0	300/500V	TCVN 6610	Mét	7,700
2	Fa 2X1.5	300V	UL 62	Mét	10,870
3	Fa 2X2.5	300V	UL 62	Mét	15,570
4	Fa 2X4.0	300V	UL 62	Mét	21,570
5	Fa 2X6.0	300V	UL 62	Mét	33,460
7. DÂY CÁP PHA MỀM 3 LỖI, RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ BẢO VỆ PVC (Cu/PVC/PVC)					
1	Fa 3X1.5	300V	UL 62	Mét	14,640
2	Fa 3X2.5	300V	UL 62	Mét	21,480
3	Fa 3X4.0	300V	UL 62	Mét	29,540
4	Fa 3X6.0	300V	UL 62	Mét	45,830

Stt	Mã Sản Phẩm	Cấp Điện Áp	Tiêu Chuẩn Áp Dụng	Đvt	Đơn Giá (VNĐ)
8. DÂY CÁP PHA MỀM 4 LỖI, RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN PVC, VỎ BẢO VỆ PVC (Cu/PVC/PVC)					
1	Fa 4X1.5 (4 lõi bằng)	300V	UL 62	Mét	18,020
2	Fa 4X2.5 (4 lõi bằng)	300V	UL 62	Mét	27,200
3	Fa 4X4.0 (4 lõi bằng)	300V	UL 62	Mét	37,880
4	Fa 4X6.0 (4 lõi bằng)	300V	UL 62	Mét	58,560

* Sản phẩm được sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015

* Giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%

* Ngoài những sản phẩm trên, Công ty có nhận sản xuất các sản phẩm có **màu sắc** và **tiêu chuẩn** theo yêu cầu của Quý khách

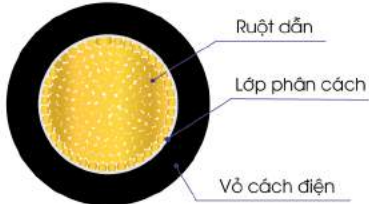
* **TIÊU CHUẨN DÂN DỤNG:** Sản phẩm phù hợp để sử dụng cho các công trình dân dụng.

DÂY CÁP HÀN DAPHACO

(Áp dụng từ ngày 25/05/2021)

Stt	Chủng Loại	Đvt	Đơn Giá (VNĐ)
1	M 16	Mét	64,780
2	M 25	Mét	94,500
3	M 35	Mét	130,380
4	M 50	Mét	183,750
5	M 70	Mét	258,040
6	M 95	Mét	348,110

1. ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM:

MẶT CẮT DÂY CÁP HÀN 	* Cáp Hàn DAPHACO được cấu tạo bởi ruột dẫn 100% Đồng Nguyên Chất, với rất nhiều sợi đồng nhỏ để tăng độ mềm cơ học, và lớp cách điện làm bằng PVC đặc biệt, hoặc cao su tổng hợp, có tính chống cháy cao và thân thiện môi trường. * Cáp Hàn có đặc tính mềm dẻo và độ đàn hồi cao, có khả năng chịu đựng tốt trong các môi trường khắc nghiệt như: Chịu dầu, chịu mài mòn, chịu hóa chất, kiềm, chịu uốn cong...
---	--

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Stt	Chủng loại	Cấu tạo	Bề dày cách điện	Đường kính tổng	Khối lượng gần đúng	Điện trở ruột dẫn ở 20°C	Dòng trở ruột dẫn ở 60°C	Quy cách đóng gói
		(N° x mm)	(mm)	(mm)	(Kg/km)	(Ω/km)	(A)	(M/cuộn)
1	M 16	504 x 0.2	2.0	10.0	223	1.16	95	200
2	M 25	760 x 0.2	2.0	11.2	306	0.758	125	200
3	M 35	1,064 x 0.2	2.0	12.6	410	0.536	160	200
4	M 50	1,520 x 0.2	2.2	14.8	575	0.379	200	100 - 200
5	M 70	2,160 x 0.2	2.4	17.0	790	0.268	250	100 - 200
6	M 95	2,960 x 0.2	2.6	19.5	1,065	0.198	300	100 - 200

DÂY CÁP ĐIỆN DAPHACO - NHÔM

(DÂY CÁP ĐIỆN TIÊU CHUẨN DÂN DỤNG)

(Áp dụng từ ngày 25/05/2021)

Stt	Mã Sản Phẩm	Đvt	Đơn Giá (VNĐ)
1. CÁP ĐIỆN LỰC 1 LỖI, RUỘT NHÔM, CÁCH ĐIỆN PVC (AL/PVC - 0.6/1kV)			
1	AV 12	Mét	5,360
2	AV 14	Mét	5,750
3	AV 16	Mét	6,360
4	AV 25	Mét	9,350
5	AV 35	Mét	13,460
6	AV 50	Mét	18,250
7	AV 70	Mét	25,630
8	AV 95	Mét	34,230
9	AV 120	Mét	42,240
10	AV 150	Mét	54,550
11	AV 185	Mét	66,690
12	AV 240	Mét	81,340
13	AV 300	Mét	106,800
2. CÁP DUPLEX (DuAV), RUỘT NHÔM, CÁCH ĐIỆN PVC (AL/PVC - 0.6/1kV)			
1	DuAV 2X12	Mét	10,940
2	DuAV 2X14	Mét	11,630
3	DuAV 2X16	Mét	12,800
4	DuAV 2X25	Mét	18,760
5	DuAV 2X35	Mét	27,150
3. CÁP VẶN XOẮN HẠ THẾ 2 LỖI, RUỘT NHÔM, CÁCH ĐIỆN XLPE (AL/XLPE - 0.6/1kV)			
1	LV - ABC 2X10 (Đủ tiết diện)	Mét	10,950
2	LV - ABC 2X16 (Đủ tiết diện)	Mét	15,170
3	LV - ABC 2X25 (Đủ tiết diện)	Mét	21,900



Stt	Mã Sản Phẩm		Dvt	Đơn Giá (VNĐ)
4	LV - ABC 2X35	(Đủ tiết diện)	Mét	29,190
5	LV - ABC 2X50	(Đủ tiết diện)	Mét	40,160
6	LV - ABC 2X70	(Đủ tiết diện)	Mét	52,300
7	LV - ABC 2X95	(Đủ tiết diện)	Mét	72,130
8	LV - ABC 2X120	(Đủ tiết diện)	Mét	88,320
9	LV - ABC 2X150	(Đủ tiết diện)	Mét	107,710
10	LV - ABC 2X185	(Đủ tiết diện)	Mét	133,660
11	LV - ABC 2X240	(Đủ tiết diện)	Mét	167,730
4. CÁP VẶN XOẮN HẠ THẾ 3 LỖI, RUỘT NHÔM, CÁCH ĐIỆN XLPE (AL/XLPE - 0.6/1kV)				
1	LV - ABC 3X16	(Đủ tiết diện)	Mét	22,700
2	LV - ABC 3X25	(Đủ tiết diện)	Mét	32,710
3	LV - ABC 3X35	(Đủ tiết diện)	Mét	43,180
4	LV - ABC 3X50	(Đủ tiết diện)	Mét	59,510
5	LV - ABC 3X70	(Đủ tiết diện)	Mét	77,900
6	LV - ABC 3X95	(Đủ tiết diện)	Mét	107,150
7	LV - ABC 3X120	(Đủ tiết diện)	Mét	132,470
8	LV - ABC 3X150	(Đủ tiết diện)	Mét	161,540
9	LV - ABC 3X185	(Đủ tiết diện)	Mét	199,090
10	LV - ABC 3X240	(Đủ tiết diện)	Mét	251,540
5. CÁP VẶN XOẮN HẠ THẾ 4 LỖI BẰNG NHAU, RUỘT NHÔM, CÁCH ĐIỆN XLPE (AL/XLPE - 0.6/1kV)				
1	LV - ABC 4X16	(Đủ tiết diện)	Mét	30,110
2	LV - ABC 4X25	(Đủ tiết diện)	Mét	43,450
3	LV - ABC 4X35	(Đủ tiết diện)	Mét	56,540
4	LV - ABC 4X50	(Đủ tiết diện)	Mét	77,160
5	LV - ABC 4X70	(Đủ tiết diện)	Mét	103,880
6	LV - ABC 4X95	(Đủ tiết diện)	Mét	140,580
7	LV - ABC 4X120	(Đủ tiết diện)	Mét	175,430
8	LV - ABC 4X150	(Đủ tiết diện)	Mét	214,590
9	LV - ABC 4X185	(Đủ tiết diện)	Mét	265,460
10	LV - ABC 4X240	(Đủ tiết diện)	Mét	335,380



Stt	Mã Sản Phẩm	Dvt	Đơn Giá (VNĐ)
6. CÁP VẶN XOẮN HẠ THẾ 4 LỖI (3 lớn + 1 nhỏ), RUỘT NHÔM, CÁCH ĐIỆN XLPE (AL/XLPE - 0.6/1kV)			
1	LV - ABC 3X25 + 1X16 (Đủ tiết diện)	Mét	39,990
2	LV - ABC 3X35 + 1X16 (Đủ tiết diện)	Mét	50,280
3	LV - ABC 3X35 + 1X25 (Đủ tiết diện)	Mét	54,130
4	LV - ABC 3X50 + 1X25 (Đủ tiết diện)	Mét	70,060
5	LV - ABC 3X50 + 1X35 (Đủ tiết diện)	Mét	73,070
6	LV - ABC 3X70 + 1X35 (Đủ tiết diện)	Mét	91,340
7	LV - ABC 3X70 + 1X50 (Đủ tiết diện)	Mét	96,840
8	LV - ABC 3X95 + 1X50 (Đủ tiết diện)	Mét	125,460
9	LV - ABC 3X95 + 1X70 (Đủ tiết diện)	Mét	131,740
10	LV - ABC 3X120 + 1X70 (Đủ tiết diện)	Mét	155,510
11	LV - ABC 3X120 + 1X95 (Đủ tiết diện)	Mét	165,030
12	LV - ABC 3X150 + 1X70 (Đủ tiết diện)	Mét	182,480
13	LV - ABC 3X150 + 1X95 (Đủ tiết diện)	Mét	191,820
14	LV - ABC 3X150 + 1X120 (Đủ tiết diện)	Mét	199,630
15	LV - ABC 3X185 + 1X95 (Đủ tiết diện)	Mét	231,040
16	LV - ABC 3X185 + 1X120 (Đủ tiết diện)	Mét	238,840
17	LV - ABC 3X185 + 1X150 (Đủ tiết diện)	Mét	245,000
18	LV - ABC 3X240 + 1X120 (Đủ tiết diện)	Mét	289,610
19	LV - ABC 3X240 + 1X150 (Đủ tiết diện)	Mét	299,090
20	LV - ABC 3X240 + 1X185 (Đủ tiết diện)	Mét	311,970



- * Sản phẩm được sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015
- * Giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%
- * Ngoài những sản phẩm trên, Công ty có nhận sản xuất các sản phẩm có **màu sắc** và **tiêu chuẩn** theo yêu cầu của Quý khách.

TP.HCM, ngày 25 tháng 05 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TRUNG TUYỀN

BẢNG HIỆU DAPHACO

DÂY CÁP ĐIỆN  100% Đồng Nguyên Chất	CỬA HÀNG VLXD THÂN BÌNH CHUYÊN ĐỒ ĐIỆN GIA DỤNG, VẬT LIỆU XÂY DỰNG, TRANG TRÍ NỘI THẤT ĐC: - ĐT:	DÂY CÁP ĐIỆN  100% Đồng Nguyên Chất
--	--	--

DÂY CÁP ĐIỆN  100% Đồng Nguyên Chất	CỬA HÀNG VLXD THÂN BÌNH CHUYÊN ĐỒ ĐIỆN GIA DỤNG, VẬT LIỆU XÂY DỰNG, TRANG TRÍ NỘI THẤT ĐC: - ĐT:	DÂY CÁP ĐIỆN  100% Đồng Nguyên Chất	DÂY CÁP ĐIỆN  100% Đồng Nguyên Chất
--	--	---	--

 DÂY CÁP ĐIỆN  100% Đồng Nguyên Chất	CỬA HÀNG THÂN BÌNH CHUYÊN ĐIỆN GIA DỤNG ĐC: ĐT:
CỬA HÀNG VLXD THÂN BÌNH CHUYÊN ĐỒ ĐIỆN GIA DỤNG, VẬT LIỆU XÂY DỰNG, TRANG TRÍ NỘI THẤT ĐC: - ĐT:	

DÂY CÁP ĐIỆN  100% Đồng Nguyên Chất CỬA HÀNG VLXD THÂN BÌNH CHUYÊN ĐỒ ĐIỆN GIA DỤNG, VẬT LIỆU XÂY DỰNG, TRANG TRÍ NỘI THẤT ĐC: ĐT:	DÂY CÁP ĐIỆN  100% Đồng Nguyên Chất CỬA HÀNG VLXD THÂN BÌNH CHUYÊN ĐỒ ĐIỆN GIA DỤNG, VẬT LIỆU XÂY DỰNG, TRANG TRÍ NỘI THẤT ĐC: - ĐT:
---	---

 DÂY CÁP ĐIỆN  100% Đồng Nguyên Chất	CỬA HÀNG VLXD THÂN BÌNH CHUYÊN ĐỒ ĐIỆN GIA DỤNG, VẬT LIỆU XÂY DỰNG, TRANG TRÍ NỘI THẤT ĐC: - ĐT:
--	--

- * Quý khách hàng có nhu cầu lắp đặt bảng hiệu vui lòng liên hệ bộ phận Marketing
- * Kích thước và màu sắc sản phẩm có thể thay đổi mà không cần báo trước



TRỤ SỞ CHÍNH



NHÀ MÁY DAPHACO



ĐỒNG HÀNH PHÁT TRIỂN, CHIA SẺ THÀNH CÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN DAPHACO
DAPHACO ELECTRIC CABLE CORPORATION

● 15/15 Phan Văn Hớn, KP 5, P.Tân Thới Nhất, Q.12, TP.HCM
☎ 028 3719 1177 - Fax: 028 3719 1178 - www.daphaco.com

